

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Pha.
2. Ông Nguyễn Văn Triều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Quyên - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018, về tranh chấp “*ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thanh S** – sinh ngày 15 tháng 10 năm 1989 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Xuân T** – sinh năm: 1986 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/4/2018 tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Xuân T do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Phụng, huyện Vũng Liêm vào ngày 11/02/2009.

Sau ngày cưới anh và chị T sống chung gia đình cha mẹ ruột của anh, sau đó vợ chồng anh lên thành phố Hồ Chí Minh đi làm. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 09 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường hay cự cãi. Anh và chị T đã không còn sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay.

Nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Xuân T.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 01/01/2008, hiện nay cháu Đ đang sống chung với anh S. Sau khi ly hôn anh S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn xin xác nhận của Công An xã Hiếu Phụng ngày 06/4/2018 do anh S cung cấp thì chị Trần Thị Xuân T, sinh năm: 1986 có đăng ký thường trú ấp Hiếu Hiệp, xã Hiếu Phụng, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long; hiện tại có mặt tại địa phương. Chị Trần Thị Xuân T đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng chị T không đến Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa. Xét việc vắng mặt của chị T không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 06/4/2018, Giấy chứng nhận kết hôn; giấy khai sinh (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); Đơn xin xác nhận.

Bị đơn vắng nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Thanh S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa anh và chị Trần Thị Xuân T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Trần Thị Xuân T vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị T cũng không đến. Nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Trần Thị Xuân T.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Xuân T do quen biết tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Phụng, huyện Vũng Liêm vào ngày 11/02/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo anh S trình bày thì thời gian anh chị sống hạnh phúc được 09 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, thường hay cự cãi, anh và chị T không còn sống chung từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Tại phiên tòa hôm nay anh S yêu cầu ly hôn với chị T, chị T vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56

Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Anh S và chị T có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 01/01/2008. Hiện nay cháu Đ đang sống chung với anh S. Sau khi ly hôn anh S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Theo nguyện vọng của cháu Đ muốn sống với anh S, chị T vắng mặt nên giao cháu Nguyễn Hữu Đ cho anh Nguyễn Thanh S nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Trần Thị Xuân T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Nguyễn Thanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Trần Thị Xuân T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh S.

Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thanh S được ly hôn với chị Trần Thị Xuân T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 01/01/2008. Giao cháu Nguyễn Hữu Đ cho anh Nguyễn Thanh S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Trần Thị Xuân T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Nguyễn Thanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Trần Thị Xuân T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh S phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Nguyễn Thanh S đã nộp theo biên lai thu số N^o 0008804, ngày

06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Nguyễn Thanh S đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Hiếu Phụng;

Tỉnh Vĩnh Long.

Phạm Thị Lanh